

Bản án số: 33/2025/HS-ST

Ngày 17/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Khưu Hán Quang;

Bà Hoàng Mỹ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 N 2025, tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 3 N 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 N 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Quang M; tên gọi khác: Không có; sinh N 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn O và bà Lê Thị M; bị cáo có vợ và có 02 con (con lớn sinh N 2010, con nhỏ sinh N 2018); tiền án: Ngày 30/12/2021, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 N tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh), ngày 31/8/2023, chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 25/9/2006, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 N 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo bản án hình sự sơ thẩm số: 1397/2006/HSST), ngày 01/9/2008, chấp hành xong hình phạt tù. Đã được xóa án tích.

- Ngày 07/12/2012, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 N tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số: 318/2012/HSST, ngày 16/02/2014 chấp hành xong hình phạt tù. Đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2024; có mặt;

2. Phạm Hữu D; tên gọi khác: Không có; sinh N 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường L, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị N;

bị cáo có vợ, có 01 con sinh N 2018; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 17/9/2014, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 N tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2014/HSST của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, đặc xá ngày 31/8/2015. Đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2024; có mặt;

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh N 1977; địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh A, sinh N 1989; địa chỉ: đường T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí M; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 07/7/2024, Phạm Hữu D gọi điện thoại di động cho Trần Quang M rủ đi uống cà phê, M đồng ý. Một lúc sau, D chạy xe Vario màu đen (không rõ biển số, D mượn của người bạn không rõ lai lịch) qua đón M, trên đường đi D rủ M đi cướp giật tài sản, M đồng ý. Sau đó, D chở M đến gần chùa Đức Lâm, Phường 10, quận Tân Bình, D nói M đứng chờ để D đi lấy xe khác. Khoảng 10 phút sau, D chạy xe Exciter màu đen biển số 59D2-588.29 đến, D đưa xe cho M điều khiển chở D đi cướp giật tài sản. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả hai lưu thông đến đầu hẻm số 467E Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, D nhìn thấy bà Nguyễn Thị Bé N đang đeo 01 sợi dây chuyền vàng trên cổ, D chỉ M thấy. M liền điều khiển xe áp sát bên trái bà N, để D dùng tay phải cướp giật sợi được dây chuyền của bà N (làm cổ bà N bị vết trầy bên phải). Sau đó, M nhanh chóng tăng ga cả 02 tàu thoát. Khi chạy đến siêu thị Nguyễn Kim, Phường 8, quận Tân Bình thì M xuống xe ném bỏ áo, còn D đưa sợi dây chuyền vừa cướp giật được cho M cất giữ rồi D chạy xe Exciter đi đổi xe khác. Một lúc sau thì D chạy xe Vario màu đen tới chở M về lại đường Thành Mỹ, quận Tân Bình còn D bỏ đi. Đến khoảng 16 giờ 57 phút ngày 08/7/2024, M đem sợi dây chuyền cướp giật được (M nói lại sợi dây chuyền còn nguyên không bị đứt) đến tiệm vàng Kim Ngân Phát do ông Cao Long Phi làm chủ (địa chỉ số 190 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú), M bán cho nhân viên của tiệm vàng là chị Phương Hồng C được số tiền 21.950.000 đồng (khi chị C mua sợi dây chuyền không biết là tài sản do phạm tội mà có, do sợi dây chuyền còn nguyên, ông Phi khai đã nấu sợi dây chuyền vàng chung với tất cả vàng thu mua trong ngày, gia công thành sản phẩm khác, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được sợi dây chuyền). Sau khi bán được sợi dây chuyền, M liên lạc và chia cho D số tiền 7.500.000 đồng, D tiêu xài cá nhân hết; còn 14.450.000 đồng M đã tiêu xài còn lại 10.500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thu giữ. Bị chiếm đoạt tài sản, bà Nguyễn Thị Bé N đến Công an Phường 11, Quận 11 trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 58/KL-HĐĐGTS ngày 19/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 11 kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 5,02 chỉ, dây chuyền vàng qua sử dụng, chưa thu hồi được, trị giá 26.161.730 đồng.

Ngày 12/7/2024, Phạm Hữu D đến Công an Phường 11, Quận 11 đầu thú giao nộp xe mô tô Exciter màu đen biển số 59D2-588.29, riêng điện thoại D dùng liên lạc với M, D bán cho người khác (không rõ lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Cùng ngày 12/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Quang M về hành vi “Cướp giật tài sản” để điều tra.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Phạm Hữu D, Trần Quang M khai nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai nhận của D, M phù hợp với nhau và phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đang tạm giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 961/LNK-ĐCSHS ngày 18/7/2024 gồm:

- 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax màu tím 128GB đã qua sử dụng thu giữ của Trần Quang M.

- 10.500.000 đồng là tiền do Trần Quang M bán sợi dây chuyền mà có, hiện Cơ quan điều tra đã nộp Kho bạc Nhà nước Quận 11;

- 01 xe kiểu dáng Exciter màu đen biển số 59D2-588.29 do Phạm Hữu D giao nộp, D khai mua xe từ N 2021 của người không rõ lai lịch, không có hợp đồng mua bán. Qua xác M xe trên do anh Trần Hồng Điều đứng tên đăng ký xe. Qua làm việc anh Điều bán xe trên vào N 2018 có làm giấy mua bán nhưng đã bị mất, do thời gian đã lâu nên anh Điều không nhớ người mua, Cơ quan điều tra đăng thông tin tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có người đến làm việc.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình của Phạm Hữu D và Trần Quang M đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bé N số tiền 15.661.730 đồng (gia đình D là 7.500.000 đồng, gia đình M là 8.161.730 đồng); còn lại 10.500.000 đồng bà N yêu cầu nhận số tiền 10.500.000 đồng do Cơ quan điều tra thu giữ của M là tiền do bị cáo M bán sợi dây chuyền mà có.

Lưu vào hồ sơ vụ án: 03 đĩa DVD, 02 USB chứa nội dung liên quan đến vụ án và ghi âm, ghi hình.

Bản cáo trạng số: 37/CT-VKSQ11 ngày 06 tháng 3 N 2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố bị cáo Trần Quang M tội danh “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” và “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171; bị cáo Phạm Hữu D tội danh “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi, bổ sung N 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần Quang M từ 04 N đến 04 N 06 tháng tù; bị cáo Phạm Hữu D từ 03 N 06 tháng đến 04 N tù; trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím 128GB cho người liên quan là bà Nguyễn Hoàng Quỳnh A, tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu đối với 01 xe kiểu dáng Exciter màu đen biển số 59D2-588.29, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tang vật thu giữ được. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 07/7/2024, bị cáo Phạm Hữu D rủ bị cáo Trần Quang M đi cướp giật tài sản kiếm tiền tiêu xài, bị cáo M đồng ý. M điều khiển xe mô tô kiểu dáng Exciter màu đen mang biển số 59D2-588.29 chở D lưu thông trên nhiều tuyến đường để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đến trước hẻm số 467E đường Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11 bị cáo D nhìn thấy bà Nguyễn Thị Bé N đứng sát lề đường, trên cổ có đeo sợi dây chuyền màu vàng nên D chỉ cho M thấy. Bị cáo M điều khiển xe áp sát bên trái bà N để D dùng tay phải cướp giật được sợi dây chuyền trị giá 26.161.730 đồng của bà N rồi bị cáo M tăng ga cả hai cùng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo Trần Quang M và Phạm Hữu D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, cần xử lý nghiêm.

Các bị cáo bằng thủ đoạn công khai, nhanh chóng, bất ngờ chiếm đoạt tài sản của người khác rồi tẩu thoát. Hành vi của bị cáo M, bị cáo D đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, theo quy định của pháp luật thì hành vi dùng mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản là tình tiết “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 30/12/2021, bị cáo Trần Quang M bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 N tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 31/8/2023 bị cáo M chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Bị cáo M đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo M thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố bị cáo Trần Quang M tội danh “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” và “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 và bị cáo Phạm Hữu D tội danh “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi, bổ sung N 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi, lười lao động các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo dùng phương tiện mô tô, xe máy cướp giật tài sản của người đi đường không chỉ làm mất an ninh, trật tự công cộng, gây thiệt hại về tài sản mà còn có thể gây ra tai nạn cho bị hại, những người tham gia giao thông. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của xã hội cần xử lý nghiêm.

Các bị cáo cùng nhau thống nhất thực hiện hành vi phạm tội nên mang tính đồng phạm nhưng gián đơn vì giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, câu

kết chặt chẽ. Trong đó bị cáo D là người chủ động đi mượn xe mô tô làm phương tiện phạm tội, rủ bị cáo M cướp giật tài sản và cũng chính là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; bị cáo M là đồng phạm giúp sức, cùng tham gia với bị cáo D cướp giật tài sản nhưng có vai trò hạn chế hơn.

[2] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo D ra đầu thú nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo M, bị cáo D ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter màu đen, biển số 59D2-588.29 là phương tiện cướp giật do bị cáo Phạm Hữu D giao nộp, D khai mua xe từ N 2021 của người không rõ lai lịch, không có hợp đồng mua bán. Qua xác M xe trên do anh Trần Hồng Đ đứng tên đăng ký xe. Qua làm việc anh Đ bán xe trên vào năm 2018 có làm giấy mua bán nhưng đã bị mất, do thời gian đã lâu nên anh Đ không nhớ người mua, hiện xe không xác định được chủ sở hữu. Do đó, cần thông báo trong thời hạn 12 tháng để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận, quá thời hạn trên kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 promax màu tím, 128GB thu giữ của bị cáo M. Điện thoại này thuộc sở hữu của bà Nguyễn Hoàng Quỳnh A (vợ bị cáo M), bị cáo M mượn điện thoại của vợ nói có việc cần dùng điện thoại. Bà Quỳnh A không biết bị cáo M sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên trả lại điện thoại trên cho bà Nguyễn Hoàng Quỳnh A.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo D, bị cáo M đã bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Bé N số tiền 15.661.730 đồng, còn lại 10.500.000 đồng bà N yêu cầu nhận số tiền 10.500.000 đồng do Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo M là tiền do bị cáo M bán sợi dây chuyền mà có. Khi bắt giữ bị cáo M, thu giữ trong người bị cáo số tiền 10.500.000 đồng là số tiền bị cáo M bán sợi dây chuyền sau khi chia cho bị cáo D 7.500.000 đồng và tiêu xài còn lại, đây là tiền bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, hoàn trả lại số tiền đã thu giữ của bị cáo M là 10.500.000 đồng (mười triệu N trăm nghìn đồng) cho bị hại - bà Nguyễn Thị Bé N.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38; Điều 50; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Hữu D;

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38; Điều 50; điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Quang M;

Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu D, bị cáo Trần Quang M phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu D 03 (ba) N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Quang M 04 (bốn) N tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2024.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho bà Nguyễn Hoàng Quỳnh A: Điện thoại di động, số lượng: 1 Cái; Đặc điểm: Iphone 14 promax màu tím, 128GB; Tình trạng: đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé N tiền Việt Nam số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Thông báo trong thời hạn 12 tháng để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận đối với xe gắn máy kiểu dáng Exciter màu đen, biển số 59D2-588.29. Quá thời hạn trên kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí M tiến hành thông báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 961/LNK-ĐCSHS ngày 18/7/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí M).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự N 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự N 2015,

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 20 phút, ngày 17 tháng 4 năm 2025.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí M.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Khuru Hán Quang;

Bà Hoàng Mỹ Oanh.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 3 N 2025, đối với:

Bị cáo Trần Quang M; sinh N 1987 tại Thành phố Hồ Chí M; bị cáo Phạm Hữu D; sinh N 1993 tại Thành phố Hồ Chí M.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38; Điều 50; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi, bổ sung N 2017 đối với bị cáo Phạm Hữu D;

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38; Điều 50; điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi, bổ sung N 2017 đối với bị cáo Trần Quang M;

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu D, bị cáo Trần Quang M phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu D 03 (ba) N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Quang M 04 (bốn) N tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2024.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự N 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự N 2015;

Trả lại cho bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh: Điện thoại di động, số lượng: 1 Cái; Đặc điểm: Iphone 14 promax màu tím, 128GB; Tình trạng: đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé N tiền Việt Nam số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu N trăm nghìn đồng).

Thông báo trong thời hạn 12 tháng để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận đối với xe gắn máy kiểu dáng Exciter màu đen, biển số 59D2-588.29. Quá thời hạn trên kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí M tiến hành thông báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 961/LNK-ĐCSHS ngày 18/7/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí M).

5. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự N 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự N 2015,

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 4 N 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Phúc

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Khuru Hán Quang;
- Bà Hoàng Mỹ Oanh.

Căn cứ các điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Biên bản nghị án ngày 17 tháng 4 N 2025 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Tạm giam bị cáo: **Trần Quang M**, sinh N 1987; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí M; nơi cư trú: 329/56 đường Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí M.

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 04 (bốn) N tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự N 2015 (được sửa đổi bổ sung N 2017).

Thời hạn tạm giam là 45 ngày (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam khu vực Quận 11, Thành phố Hồ Chí M có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VKSND Q.11;
- Nhà tạm giữ CA Q11;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phúc

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Khuru Hán Quang;
- Bà Hoàng Mỹ Oanh.

Căn cứ các điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Biên bản nghị án ngày 17 tháng 4 N 2025 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Tạm giam bị cáo: **Phạm Hữu D**, sinh N 1993; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí M; nơi cư trú: 870/43/6 đường Lạc Long Quân, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí M.

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 03 (ba) N 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự N 2015 (được sửa đổi bổ sung N 2017).

Thời hạn tạm giam là 45 ngày (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam khu vực Quận 11, Thành phố Hồ Chí M có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND Q.11;
- Nhà tạm giữ CA Q11;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phúc

